

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 216/2017/HS-ST

Ngày: 07 – 11 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Bà Trần Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Dũng

Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên toà : Bà Bùi Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 195/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với:

1/ Bị cáo **Nguyễn Thế H-** SN 1988 tại Nghệ An; tên gọi khác: X. HKTT: 96 đường L, phường R, TP V, tỉnh BR-VT; chỗ ở khi bị bắt: 212-H20-B4, đường N, phường T, TP V, tỉnh BR – VT; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không.

cha: Nguyễn Thế H,(Đã chết); mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1991; có 02 người con; lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: 01.

- Ngày 20/4/2012, TAND TP Vũng Tàu xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu.

2/ Bị cáo **Hà T A** - SN 1988 tại Nghệ An; tên gọi khác: T. HKTT: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở khi bị bắt: Hẻm 106, đường H, phường R,

TP.V, BRVT; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; cha: Hà T H, (đã chết); mẹ: Hà Thị L, sinh năm 1959;

- Tiền án: 01.

Ngày 25/06/2013, TAND huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu.

(Các bị cáo có mặt)

Người bị hại:

Chị Phạm Thị X L - Sinh năm 1982 (vắng mặt)
Chỗ ở: 35/5 đường B, P.R, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Minh L – Sinh năm 1989 (vắng mặt)
Chỗ ở: 86 đường N, P. 7, TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
2/ Lữ Văn N - Sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Chỗ ở: 506 đường T, P.T, TP V, T. Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/ Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 14 giờ ngày 06/6/2017, Nguyễn Thế H điều khiển xe mô tô chở Hà T A đi vòng quanh các con đường trong TP Vũng Tàu để trộm cắp tài sản lấy tiền xài. Khi đi đến trước khu vực hẻm 35 đường B, phường R, TP V, H nói T A đứng đầu hẻm canh giới còn H đi bộ vào trong hẻm tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến trước nhà số 35/5, đường B, phường R, TP V của chị Phạm Thị X L, H phát hiện nhà chị L không đóng cửa cổng, bên trong sân có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 79H1-506.22 không có người trông coi nên H vào lén lút lấy xe mô tô trên đem đến chỗ T A đang đợi. Do không có chìa khóa xe mô tô này nên T A điều khiển xe mô tô của T A, H ngồi lên xe mô tô vừa trộm cắp được để T A dùng chân đẩy chiếc xe này đem đến tiệm sửa xe của anh Lữ Văn N tại địa chỉ 506 đường T, phường T, TP V tháo chống trộm của xe mô tô, sau đó, cả hai mang xe mô tô trên đến số 86 đường N, phường 7, TP V cầm cố cho anh Nguyễn Minh L lấy 5.000.000đ, H chia cho T A 2.000.000đ, số tiền còn lại H tiêu xài hết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

3

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”

2. Các vấn đề khác:

Tại biên bản xác định giá trị tài sản số 153/BB-PTCKH ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP Vũng Tàu xác định trị giá chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 79H1-506.22 là 37.500.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 202/CT-VKS ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố các bị cáo Nguyễn Thế H và Hà T A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 BLHS năm 1999, đề nghị xử phạt các bị cáo H với mức án tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 BLHS năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo T A với mức án tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người bị hại

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án:

Bị cáo H: “Thời gian tạm giam, bị cáo rất hối hận và xấu hổ về hành vi phạm tội, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”

Bị cáo T A:” Bị cáo biết việc bị cáo làm là sai trái nên bị cáo rất hối hận, xin HĐXX xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm được trở về”

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/6/2017, Nguyễn Thế H và Hà T A đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút chiếm đoạt của chị Phạm Thị X L 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 79H1-506.22 trị giá 37.500.000đ. Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, thì hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân đã được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo là những thanh niên đã trưởng thành, có trình độ học vấn tương đối nên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam, tư lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động nên các bị cáo bất chấp pháp luật và dư luận quần chúng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân Tp Vũng Tàu xử phạt 6 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo A bị TAND huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo H đã tác động gia đình để khắc phục hậu quả nên xem xét giảm nhẹ một phần mức án cho các bị cáo là phù hợp.

Mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 79H1-506.22 cho chị Phạm Thị X L, chị L đã nhận lại xe và yêu cầu T A và H phải bồi thường cho chị số tiền 5.000.000đ, bị cáo H đồng ý bồi thường 2.500.000đ; bị cáo A đồng ý bồi thường 2.500.000đ nên ghi nhận; buộc bị cáo H bồi thường cho chị L số tiền 2.500.000đ và bị cáo T A bồi thường cho chị L số tiền 2.500.000đ.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với anh Lữ Văn N khi tháo thiết bị chống trộm và anh Nguyễn Minh L khi cầm cố chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ đen biển số 79H1-506.22 không biết chiếc xe mô tô này là do Hà T A và Nguyễn Thế H trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với A N và A L là phù hợp

[6] Về án phí DSST và HSST: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thế H (tên gọi khác là X)** và **Hà T A (tên gọi khác là T)** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20; Điều 33 BLHS năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H (tên gọi khác là X)** **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ **ngày 24/8/2017**

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20; Điều 33 BLHS năm 1999

Xử phạt bị cáo **Hà T A (tên gọi khác là T)** **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ **ngày 12/6/2017**

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999

Buộc bị cáo Nguyễn Thế H bồi thường cho chị Phạm Thị X L số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng)

Buộc bị cáo Hà T A bồi thường cho chị Phạm Thị X L số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng)

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thA toán thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS năm 2003 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST

5. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2017). Riêng người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Mai